**Không gian mẫu và biến cố**

**Dạng 1: Mô tả không gian mẫu & xác định số kết quả có thể**

**Câu 1:** Lấy ngẫu nhiên lần lượt hai chữ số từ ba chữ số xếp thành hàng ngang từ trái

qua phải. Hãy mô tả không gian mẫu của phép thử.

**Câu 2:** Gieo đồng xu 3 lần liên tiếp. Hãy mô tả không gian mẫu của phép thử.

**Dạng 2: Xác định biến cố của một phép thử**

**Câu 1:** Gieo một con súc sắc hai lần, biến cố A: “ Tổng số chấm trên mặt xuất hiện của hai lần

gieo là số chẵn”, và biến cố B là biến cố đối của biến cố A. Xác định biến cố B và liệt

kê các kết quả thuận lợi cho B.

**Câu 2:** Gieo một con súc sắc liên tiếp cho đến khi súc sắc xuất hiện mặt 1 chấm hoặc 6 chấm

thì dừng lại. Xác định các biến cố:

A:’’số lần gieo không vượt quá hai lần’’;

B:’’số lần gieo là ba’’.

**Dạng 3: Phép toán trên biến cố**

**Câu 1:** Cho các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, lập các số có 4 chữ số từ các số đã cho.

Gọi A là biến cố ‘ Số lập được chia hết cho 3’.

Và B là biến cố ‘ Số lập được chia hết cho 6’.

Xác định , , ,

**Câu hỏi tổng hợp**

**Câu 1:** Gieo ngẫu nhiên một đồng tiền cân đối và đồng chất5 lần. Tính số phần tử không gian mẫu

Câu 2: Rút ngẫu nhiên cùng lúc ba con bài từ cỗ bài tú lơ khơ 52 con thì n( bằng bao nhiêu

Câu 3: Gieo một đồng xu cân đối đồng chất 3 lần. Gọi A là biến cố “mặt sấp xuất hiện lần gieo

thứ i ”, với i = 1, 2, 3 . Khi đó, biến cố là:

A. “Cả 3 lần gieo đều được mặt sấp”. B. “Mặt sấp xuất hiện không quá một lần”.

C. “Mặt ngửa xuất hiện ít nhất một lần”. D. “Cả 3 lần gieo đều được mặt ngửa”

**Câu 1:** Gieo một con xúc xắc hai lần. Xác suất để ít nhất một lần xuất hiện mặt sáu chấm là?

**Câu 2:** Gieo một con xúc xắc hai lần. Tính xác suất để biến cố có tổng hai mặt bằng 8

**Câu 3:** Gieo một con xúc xắc cân đối đồng chất hai lần. Tính xác suất để biến cố có tích hai lần số chấm khi gieo xúc xắc là một số chẵn.

Câu 4:

**Bất phương trình**

**Dạng 1: Bất phương trình bậc nhất một ẩn**

Bài 1.1: Giải bất phương trình 3x – 5 > 2x + 4  
Bài 1.2: Giải bất phương trình 5 − 2x ≤ 3x + 10  
Bài 1.3: Giải bất phương trình

**Dạng 2: Bất phương trình chứa phân thức**

Bài 2.1: Giải bất phương trình   
Bài 2.2: Giải bất phương trình   
Bài 2.3: Giải bất phương trình

**Dạng 3: Bất phương trình bậc cao**

Bài 3.1: Giải bất phương trình x2 − 5x + 6 < 0  
Bài 3.2: Giải bất phương trình x2 + 2x – 8 ≥ 0  
Bài 3.3: Giải bất phương trình −2x2 + 3x + 5 > 0  
Bài 3.4: Giải bất phương trình (x + 3)(x – 2)(x + 4) < 0  
Bài 3.5: Giải bất phương trình –x4 – x3 + 16x2 + 4x – 48 > 0

**Dạng 4: Hệ bất phương trình bậc nhất**

Bài 4.1: Giải hệ bất phương trình

Bài 4.2: Giải hệ bất phương trình

Bài 4.3: Giải hệ bất phương trình

**Dạng 5: Bất phương trình có chứa giá trị tuyệt đối**

Bài 5.1: Giải bất phương trình ∣2x − 1∣ > 3  
Bài 5.2: Giải bất phương trình ∣x + 4∣ ≤ 2  
Bài 5.3: Giải bất phương trình ∣3x − 2∣ < x + 1